

Số: 66/2025/GCNDKHD-GDNNGDTX

Hà Nội, ngày 03 tháng 9 năm 2025

GIẤY CHỨNG NHẬN
Đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp

CỤC GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP VÀ GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN
CHỨNG NHẬN:

1. Tên cơ sở: **TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGHỀ CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI**

Tên giao dịch quốc tế bằng tiếng Anh: *Hanoi Industrial Vocational College*

Thuộc: Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội

Địa chỉ trụ sở chính: **Số 131 phố Thái Thịnh, phường Thịnh Quang, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội (địa chỉ mới: Số 131 phố Thái Thịnh, phường Đống Đa, thành phố Hà Nội)**

Điện thoại: **024.3853.2033;**

Fax: **024.3853.3523;**

Website: **www.hnivc.edu.vn;**

Email: **info@hnivc.edu.vn**

Địa chỉ phân hiệu/địa điểm đào tạo khác: **Không**

Quyết định thành lập số: **1984/QĐ-LĐTBXH ngày 29/12/2006 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội**

2. Đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp

Tại trụ sở chính: **Số 131 phố Thái Thịnh, phường Thịnh Quang, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội (địa chỉ mới: Số 131 phố Thái Thịnh, phường Đống Đa, thành phố Hà Nội)**



TT	Tên ngành/ngành đào tạo	Mã ngành/ngành	Quy mô tuyển sinh/năm	Trình độ đào tạo
I	Nhóm ngành, nghề Mỹ thuật ứng dụng			
1	Thiết kế đồ họa	6210402	105	Cao đẳng
		5210402	40	Trung cấp
II	Nhóm ngành, nghề Ngôn ngữ, văn học và văn hoá nước ngoài			
1	Tiếng Trung Quốc	6220209	50	Cao đẳng

TT	Tên ngành/ngành đào tạo	Mã ngành/ngành	Quy mô tuyển sinh/năm	Trình độ đào tạo
2	Tiếng Hàn Quốc	6220211	50	Cao đẳng
3	Tiếng Nhật	6220212	50	Cao đẳng
III	Nhóm ngành, nghề Kế toán - Kiểm toán			
1	Kế toán doanh nghiệp	6340302	25	Cao đẳng
		5340302	30	Trung cấp
IV	Nhóm ngành, nghề Máy tính			
1	Truyền thông và mạng máy tính	6480104	25	Cao đẳng
		5480104	25	Trung cấp
V	Nhóm ngành, nghề Công nghệ thông tin			
1	Công nghệ thông tin (Ứng dụng phần mềm)	6480202	100	Cao đẳng
		5480202	100	Trung cấp
2	Lập trình máy tính	6480207	25	Cao đẳng
VI	Nhóm ngành, nghề Công nghệ kỹ thuật cơ khí			
1	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	6510201	125	Cao đẳng
		5510201	25	Trung cấp
2	Công nghệ ô tô	6510216	420	Cao đẳng
		5510216	30	Trung cấp
3	Công nghệ hàn	5510217	30	Trung cấp
VII	Nhóm ngành, nghề Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông			
1	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	6510303	60	Cao đẳng
2	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	6510304	75	Cao đẳng

TT	Tên ngành/ngành đào tạo	Mã ngành/ngành	Quy mô tuyển sinh/năm	Trình độ đào tạo
3	Công nghệ điện tử và năng lượng tòa nhà	6510314	25	Cao đẳng
		5510314	25	Trung cấp
VIII	Nhóm ngành, nghề Kỹ thuật cơ khí và cơ kỹ thuật			
1	Cắt gọt kim loại	6520121	20	Cao đẳng
		5520121	20	Trung cấp
2	Kỹ thuật lập trình, gia công trên máy CNC	6520197	25	Cao đẳng
IX	Nhóm ngành, nghề Kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông			
1	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	6520205	75	Cao đẳng
		5520205	20	Trung cấp
2	Điện tử công nghiệp	6520225	50	Cao đẳng
3	Điện công nghiệp	6520227	175	Cao đẳng
		5520227	20	Trung cấp
4	Cơ điện tử	5520263	25	Trung cấp
5	Tự động hóa công nghiệp	6520264	50	Cao đẳng
		5520264	25	Trung cấp
X	Nhóm ngành, nghề Du lịch			
1	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	6810101	25	Cao đẳng
2	Du lịch lữ hành	5810101	50	Trung cấp
XI	Nhóm ngành, nghề Khách sạn, nhà hàng			
1	Kỹ thuật chế biến món ăn	6810207	40	Cao đẳng
		5810207	60	Trung cấp



TT	Tên ngành/ngành đào tạo	Mã ngành/ngành	Quy mô tuyển sinh/năm	Trình độ đào tạo
XII	Nhóm ngành, nghề Dịch vụ thẩm mỹ			
1	Kỹ thuật chăm sóc tóc	5810403	25	Trung cấp
2	Chăm sóc sắc đẹp	6810404	25	Cao đẳng
		5810404	25	Trung cấp
XIII	Nhóm nghề sơ cấp Dịch vụ thẩm mỹ			
1	Vẽ móng nghệ thuật		25	Sơ cấp
2	Chăm sóc da		25	Sơ cấp

3. Giấy chứng nhận này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 74/2024/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 10/10/2024 và Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 74a/2024/GCNĐKBS-TCGDNN ngày 21/02/2025 của Tổng cục trưởng Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp./.

CỤC TRƯỞNG



Trương Anh Dũng